



CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Số :1510/DCVFM.2026

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh

To: Ho Chi Minh Stock Exchange

- Tên Công ty quản lý quỹ: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ DCVFM/ Fund Management company: DCVFM
- Tên Ngân hàng giám sát: Ngân Hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)/ Supervisor Bank: Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited
- Tên quỹ: Quỹ ETF DCVFMVN30/ ETF name: DCVFMVN30 ETF
- Mã chứng khoán/ Securities code: E1FVN30
- Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, số 02 Ngõ Đức Kế, Phường Sài Gòn, TP.HCM/ 15th Floor, Melinh Point Tower, 02 Ngo Duc Ke, Sai Gon Ward, HCMC
- Điện thoại/ Tel: 84 28 3825 1488 Fax: 84 28 3825 1489
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: 15/10/2026
- Đơn vị tính: 1 lô ETF tương đương: 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF certificates
- Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ Components and weighting:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Code	Volume	Weighting
I.	Chứng khoán/ Stock	3,296,340,000	99.23%
1	ACB	6,200	3.82%
2	BID	500	0.50%
3	BSR	1,200	1.09%
4	CTG	1,500	1.33%
5	FPT	4,600	7.91%
6	GAS	400	0.95%
7	GVR	500	0.47%
8	HDB	6,500	4.54%
9	HPG	14,700	9.20%
10	LPB	3,400	3.90%
11	MBB	6,000	3.49%
12	MCH	800	3.39%
13	MSN	2,500	5.40%
14	MWG	3,200	7.08%
15	SAB	400	0.52%
16	SHB	4,700	1.46%
17	SSB	2,400	1.13%
18	SSI	2,600	1.48%
19	STB	2,200	4.28%
20	TCB	4,900	4.87%
21	TCX	600	0.49%
22	VCB	1,100	1.86%
23	VHM	2,200	4.04%
24	VIB	2,500	1.05%
25	VIC	1,600	10.52%
26	VJC	800	3.08%
27	VNM	2,400	4.18%
28	VPB	6,800	4.98%
29	VPL	200	0.46%
30	VRE	2,600	1.75%
II.	Tiền/ Cash (VND)	25,569,619	0.77%
III.	Tổng / Total (=I+II)	3,321,909,619	100%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between the value of basket and the value per lot of ETF:

- + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND)
- + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND)
- + Giá trị chênh lệch/Difference in value: (VND)

3,296,340,000
3,321,909,619
25,569,619

